TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 02 – 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung.

Ông Vương Văn Mum.

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị **N. T. B. H**, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*: anh **N. T. T**, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N. T. B. H trình bày:

Chị và anh N. T. T chung sống với nhau từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Trảng Bàng (nay là phường Y, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, ham mê bài bạc, bỏ bê gia đình, không quan tâm đến vợ con. Chị đã góp ý, khuyên nhủ và nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho anh T nhưng anh T không thay đổi. Chị đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T 02 lần nhưng gia đình anh T khuyên can và anh T cũng hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ sau

khi chị rút đơn khởi kiện cho đến nay anh T vẫn tiếp tục cá độ đá banh và nhậu nhẹt say xỉn, không tu chí làm ăn nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Chị và anh T không còn sống chung một nhà từ tháng 11/2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T có 01 người con chung tên N. T. K, sinh ngày 19/4/2016, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh N. T. T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ các điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị N. T. B. H đối với anh N. T. T. Về con chung, giao cháu N. T. K, sinh ngày 19/4/2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh N. T. T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T chung sống từ năm 2013, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã

Y, huyện Trảng Bàng (nay là phường Y, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H trình bày chị và anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, ham mê bài bạc, không quan tâm đến vợ, con, chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mặc dù chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh T đánh bài, không quan tâm đến vợ con nhưng chị H đã từng nộp đơn ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng sau đó chị rút đơn khởi kiện. Ngoài ra, qua xác minh tại địa phương thể hiện chị H và anh T không còn sống chung một nhà từ tháng 11/2022 cho đến nay. Điều này cho thấy, giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh, chị không tự hàn gắn tình cảm được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa xét xử sơ thẩm. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí đoàn tụ, không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 01 người con chung tên N. T. K, sinh ngày 19/4/2016, hiện đang sống chung với chị H. Xét yêu cầu được nuôi con của chị H thấy rằng: trong thời gian cháu K sống với chị H tình trạng sức khỏe của cháu K vẫn phát triển bình thường, bản thân chị H làm nghề buôn bán, thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng nên có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Mặt khác, cháu K đang sống ổn định với chị H nên giao cháu K cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị N. T. B. H đối với anh N. T. T. Chị N. T. B. H được ly hôn với anh N. T. T.

2. Về con chung: giao cháu N. T. K, sinh ngày 19/4/2016 cho chị N. T. B. H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0026849 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường Y;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Yến